

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Thực hiện Luật Thi đua khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ Nội vụ bãi bỏ Khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

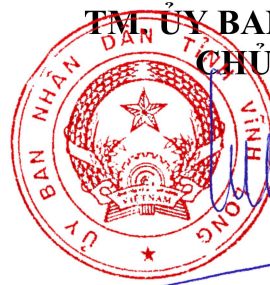
Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ triển khai thực hiện Quy định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và thay thế quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, 3.14.05.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Quang Ngời

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND, ngày 02 / 3 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung đối với công tác thi đua, khen thưởng bao gồm: tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; Quy trình và thời gian trình bình xét thi đua khen thưởng, thành lập Hội đồng thi đua, hoạt động cụm khối thi đua.

2. Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan Đảng, các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, trường học và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (cơ quan, tổ chức, đơn vị), gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo Điều 6 Luật Thi đua khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017.

2. Không xét khen thưởng đối với các trường hợp sau đây:

Việc triển khai thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định hoặc khen thưởng phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn và các chương trình phối hợp.

Đối với cán bộ tham gia trong Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thì không xét khen thưởng thành tích phong trào theo đợt (chuyên đề) mà thành tích được tính chung vào nhiệm vụ để xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua

1. Hàng năm thành lập:

a) 01 cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố

b) Khối thi đua các sở, ban, ngành của tỉnh gồm:

Khối thi đua các cơ quan nội chính.

Khối thi đua các cơ quan tham mưu, tổng hợp.

Khối thi đua các sở, ngành tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế.

Khối thi đua các sở, ngành tham mưu quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội.

Khối thi đua các cơ quan Đảng (các ban Đảng, đảng bộ khối trực thuộc)

Khối thi đua của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội.

Khối thi đua các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

c) Khối thi đua các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

d) Khối thi đua các Hợp tác xã (theo Luật Hợp tác xã)

đ) Khối thi đua các doanh nghiệp (khối doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông - vận tải; thương mại - dịch vụ...).

e) Khối thi đua Ngành Giáo dục và Đào tạo gồm:

Khối thi đua các Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Khối thi đua các Trường trung học phổ thông (mỗi khối thi đua có từ 10 trường trở lên)

Khối thi đua các Trường trung học cơ sở (mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 1 khối).

Khối thi đua các Trường tiểu học (mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 1 khối).

Khối thi đua các Trường mầm non (mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 1 khối).

f) Khối thi đua Ngành Y tế.

Khối thi đua các Bệnh viện tuyến tỉnh, tương đương.

Khối thi đua các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố, tương đương.

2. Ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị tỉnh thành lập các khối thi đua phòng, ban, tương đương thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thành lập các cụm, khối các đơn vị, địa phương thuộc các huyện, thị xã, thành phố.

a) Mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập:

01 cụm thi đua các xã, phường, thị trấn.

Khối thi đua đối các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc huyện, thị xã, thành phố (mỗi khối có từ 10 đơn vị trở lên).

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị tỉnh thành lập một khối thi đua phòng, ban, tương đương thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Hoạt động cụm, khối thi đua

Cụm, khối thi đua có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động, kế hoạch, nội dung, phương pháp tổ chức phát động phong trào thi đua nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đăng ký giao ước thi đua.

Cụm, khối thi đua tổ chức phát động thực hiện các phong trào thi đua, các nhiệm vụ chính trị được giao nhằm phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết và xem xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Điều hành hoạt động cụm, khối thi đua có Cụm trưởng, Khối trưởng là Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức được phân công

Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh về tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đã ký kết. Xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung, đơn đốc kiểm tra các hoạt động trong khối. Tổ chức các cuộc họp, chủ trì hội nghị sơ kết 6 tháng và tổng kết năm, bình chọn suy tôn các đơn vị đạt thành tích xuất sắc, đề nghị Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Cụm, Khối thi đua tổ chức hội nghị sơ kết trước ngày 15 tháng 7; Hội nghị tổng kết trước ngày 20 tháng 01 năm sau.

Hàng năm Cụm, Khối tiến hành tổng kết, bình xét thi đua và lựa chọn tập thể dẫn đầu Cụm, Khối thi đua đề nghị tặng Cờ thi đua tỉnh và Bằng khen UBND tỉnh cho đơn vị đứng thứ nhì Khối thi đua (đối với Cờ thi đua tỉnh không có tiêu chí bị điểm trừ).

4. Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh về nội dung, tổ chức phong trào thi đua; chỉ đạo và hướng dẫn các cụm, khối thi đua hoạt động theo hướng dẫn của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương.

Điều 4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân xuất sắc tiêu biểu trong số những cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 5. Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

Xét khen thưởng hàng năm cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc khi kết thúc năm công tác của cơ quan, đơn vị, tổ chức và kết thúc năm học của các trường học đạt tiêu chuẩn theo điểm c, Khoản 1 và điểm c, Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017.

Những tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh có thành tích vận động tài trợ, được tính vào thành tích chung trong thực hiện nhiệm vụ

chuyên môn để xem xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được trong năm (khen thưởng tổng kết năm).

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh phát động hoặc do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh phát động có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh được Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch trước khi phát động phong trào thi đua.

Số lượng, đối tượng xét khen thưởng của mỗi chuyên đề được dự kiến trong kế hoạch, trong đó số lượng tập thể, cá nhân ở cấp cơ sở phải nhiều hơn tỉnh (trừ chuyên đề đó chỉ có cấp tỉnh tham gia). Các tập thể, cá nhân được khen thưởng phải có 02 năm được tặng giấy khen của cấp cơ sở trong đợt phát động thi đua hoặc theo chuyên đề.

b) Khen thưởng các đợt thi đua ngắn hạn theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh chủ trì (thể hiện bằng văn bản: công văn; biên bản hoặc ý kiến UBND tỉnh cho chủ trương khen thưởng ...) số lượng xét khen thưởng theo chỉ đạo của từng đợt, phù hợp với quy mô và phạm vi phát động (số lượng khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân).

c) Đối với sơ kết phong trào thi đua, thực hiện khen thưởng của cấp phát động, chỉ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen khi tổng kết phong trào thi đua.

d) Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, được xem xét khen thưởng thành tích phong trào thi đua theo cụm, khối và các phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh phát động.

3. Khen thưởng đột xuất

a) Tập thể, cá nhân có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản của nhân dân, của Nhà nước, gương tiêu biểu dũng cảm trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, gương người tốt, việc tốt.

b) Tập thể là cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh, cá nhân đang công tác, học tập tại các cơ quan, trường học trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền cử (hoặc cho phép) tham dự các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu trên tất cả các lĩnh vực do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức với quy mô cấp quốc gia trở lên, các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu quốc tế và tập thể đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu do tỉnh tổ chức cụ thể:

Đạt giải khuyến khích trở lên tại các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu quốc tế.

Đạt giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu cấp quốc gia.

Tập thể xếp hạng Nhất, Nhì, Ba toàn đoàn trong các kỳ thi, hội thi, các giải thi đấu tỉnh do Lãnh đạo tỉnh (Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh) làm Trưởng ban, Chủ tịch Hội đồng hoặc ký ban hành Kế hoạch tổ chức, Điều lệ (Thê lệ) giải thưởng.

Huấn luyện viên, giáo viên trực tiếp huấn luyện, bồi dưỡng tập thể, cá nhân đạt giải cấp quốc gia, quốc tế đạt giải Nhất (Huy chương Vàng).

c) Tập thể là người Việt Nam có mức đóng góp từ 200 triệu đồng, cá nhân người Việt Nam có mức đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên, hộ gia đình có mức đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên; tập thể, cá nhân là người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài có mức đóng góp như trong nước.

Tập thể có công vận động đóng góp từ 400 triệu đồng, từ 200 triệu đồng trở lên đối với cá nhân để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, các hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo... nơi tiếp nhận vật chất (hoặc tiền) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

d) Khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, được công nhận di tích, di sản văn hóa cấp quốc gia. Số lượng tập thể, cá nhân được khen thưởng do cơ quan chuyên môn trao đổi với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo quy định.

đ) Người nhóm máu hiếm (DRh âm) có hiến máu, được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

4. Khen thưởng đối ngoại

Thực hiện theo Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017; cá nhân là người nước ngoài có mức đóng góp từ 300 triệu đồng trở lên, tập thể là người nước ngoài có mức đóng góp từ 600 triệu đồng trở lên.

Điều 6. Hiệp y Khen thưởng

Sau khi nhận được văn bản đề nghị hiệp y của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cơ quan khác theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản về việc hiệp y khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017.

Điều 7. Tổ chức trao tặng (hoặc truy tặng) danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng (hoặc truy tặng) và đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

2. Trao tặng (hoặc truy tặng) các hình thức khen thưởng đột xuất đảm bảo kịp thời, gắn với việc tuyên truyền phổ biến cá nhân, tập thể lập thành tích xuất sắc.

Điều 8. Quy trình bình xét khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

Cá nhân đề nghị khen thưởng viết báo cáo sáng kiến.

Hội đồng xét sáng kiến thành tích khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị xét sáng kiến cho các cá nhân và đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận sáng kiến, trình cấp trên công nhận theo thẩm quyền để làm cơ sở xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng viết báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức họp bình xét thi đua, khen thưởng và đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền cho tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề)

Tập thể, cá nhân viết báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổ chức, cơ quan, đơn vị họp bình xét thi đua, khen thưởng và đề nghị Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Khen thưởng đột xuất

Tập thể, cá nhân viết báo cáo tóm tắt thành tích.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận thành tích xét khen thưởng và đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

4. Khen thưởng đối ngoại

Tập thể, cá nhân viết báo cáo tóm tắt thành tích theo thủ tục đơn giản.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận thành tích xét khen thưởng và đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 9. Thời gian trình khen thưởng

1. Hồ sơ xét sáng kiến tỉnh gửi về Hội đồng xét sáng kiến thành tích khen thưởng năm công tác (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) đến hết ngày 28/02 hàng năm, đối với ngành giáo dục đào tạo ngày 10/8 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm) gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích Cụm, khôi thi đua chậm nhất ngày 28 tháng 02 hàng năm.

b) Hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước và tỉnh năm công tác chậm nhất ngày 31 tháng 3 hàng năm. Đối với ngành giáo dục đào tạo chậm nhất ngày 15 tháng 8 hàng năm (bao gồm Cờ thi đua).

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân lập thành tích đột xuất thì trong thời hạn 05 ngày, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng để bảo đảm được tính nêu gương, kịp thời.

b) Đối với tập thể, cá nhân đạt giải các hội thi: Sau khi kết thúc hội thi không quá 05 ngày làm việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng. Đối với các hội thi tỉnh, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng ngay khi tổng kết hội thi.

4. Khen thưởng chuyên đề, phong trào: Khi tổ chức tổng kết chuyên đề, phong trào Thủ trưởng các ngành, các cấp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng trước khi tổ chức tổng kết ít nhất 30 ngày làm việc.

5. Khen đối ngoại

Tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp cho tỉnh thì trong thời hạn 05 ngày, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp nhận đóng góp xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

Điều 10. Tỷ lệ xét thi đua, khen thưởng

Kết quả bình xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phải có từ 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đồng ý (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản), trừ các Danh hiệu thi đua được quy định tại Khoản 8, Điều 45, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017.

Điều 11. Thông báo kết quả khen thưởng

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả xét duyệt của Hội đồng xét sáng kiến và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị khen thưởng biết, chậm nhất là 15 ngày làm việc sau khi có kết quả xét duyệt.

Điều 12. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Điều 13. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tỉnh.

a) Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

b) Thành phần Hội đồng gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tỉnh không quá 9 thành viên. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc từ 10 trở lên, được tăng số lượng nhưng không quá 11 thành viên. Thành phần Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định nhưng không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền; Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng hàng năm; Kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với cơ quan, đơn vị; Kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

b) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Đại diện lãnh đạo cơ quan Tổ chức - Nội vụ hoặc Phòng Nội vụ (phụ trách công tác thi đua, khen thưởng) là Phó Chủ tịch Thường trực. Thành phần và số lượng Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng cấp huyện quyết định.

c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

Định kỳ 6 tháng, năm, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

b) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ủy viên Thường trực Hội đồng là công chức văn phòng thống kê (kiêm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng). Thành phần, số lượng Phó chủ tịch và Ủy viên Hội đồng còn lại do Chủ tịch Hội đồng cấp xã quyết định.

c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

Định kỳ 6 tháng, năm, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với nhiệm vụ phát triển của địa phương; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 14. Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Hội đồng sáng kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn trên các lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác.

2. Chi bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng theo quy định hiện hành.

Điều 15. Quỹ thi đua khen thưởng

Thực hiện theo Điều 65, Điều 66, Điều 67, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31/7/2017.

Điều 16. Hiện vật khen thưởng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo biểu trưng tỉnh Vĩnh Long tri ân thành tích đóng góp xây dựng quê hương (không thưởng tiền)

cho các tập thể, cá nhân (người Việt Nam, người nước ngoài, người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài), các tổ chức quốc tế có thành tích đóng góp và vận động đóng góp tiền, vật chất ủng hộ đồng bào bị thiên tai, địch họa, trong công tác từ thiện xã hội...

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong công tác thi đua, khen thưởng xây dựng, ban hành Quy định của ngành, địa phương, đơn vị để thực hiện.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh những vấn đề vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, kiểm tra, tổ chức thực hiện Quy định này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Những nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo các văn bản Trung ương quy định về cùng vấn đề. Khi các văn bản viện dẫn có sự thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới./.



Lữ Quang Ngời